

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG

**VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH
TRONG TRANH PHONG CẢNH VÙNG CAO GIAI ĐOẠN
2000 - 2015 VÀO DẠY HỌC PHÂN MÔN VẼ TRANH
TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ TỰ TRỌNG,
THÀNH PHỐ NINH BÌNH**

**TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN MỸ THUẬT
Khóa 5 (2017-2019)**

Hà Nội, 2020

**CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. QUÁCH THỊ NGỌC AN**

Phản biện 1: PGS. TS. Lê Văn Tạo

Phản biện 2: TS. Mai Quốc Khánh

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
tại trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2020

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thư viện Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH PHONG CẢNH VÙNG CAO GIAI ĐOẠN 2000 - 2015 VÀO DẠY HỌC MÔN VẼ TRANH	5
1.1. Một số khái niệm sử dụng trong đề tài	5
1.2. Khái quát chung về hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 - 2015	6
1.3. Khái quát chung về trường trung học cơ sở Lý Tự Trọng	7
1.3.1. Quá trình hình thành và phát triển	7.
7	
1.3.2. Đội ngũ giáo viên	7
1.3.3. Đặc điểm học sinh trường THCS Lý Tự Trọng	8
1.4. Thực trạng dạy học vẽ tranh tại trường trung học cơ sở Lý Tự Trọng	8
1.5. Nhận thức của giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về tầm quan trọng của môn Mỹ thuật	
99	
Tiểu kết	10
Chương 2: TẠO HÌNH TRONG TRANH PHONG CẢNH VÙNG CAO GIAI ĐOẠN 2000 – 2015 VÀ BIỆN PHÁP VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC PHÂN MÔN VẼ TRANH TẠI TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG	11
2.1. Tạo hình phong cảnh vùng cao trong hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015	11
2.1.1. Phong cảnh vùng cao biểu hiện qua nội dung tác phẩm	
1111	
2.1.2. Ngôn ngữ nghệ thuật trong tranh phong cảnh vùng cao	
1212	
2.1.3. Kỹ thuật và chất liệu của tranh vẽ	
1313	
2.2. Ứng dụng tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 - 2015 vào dạy học phân môn vẽ tranh tại trường THCS	14.
14	
2.2.1. Các nguyên tắc dạy học môn mỹ thuật ở trường THCS	14
14	

2.2.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học trong phân môn vẽ tranh tại trường THCS	14
2.2.3. Biện pháp trong hướng dẫn thực hành dạy học phân môn vẽ tranh tại trường THCS Lý Tự Trọng	115
2.2.4. Vận dụng tranh phong cảnh vùng cao Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015 vào bài học phân môn vẽ tranh trong trường trung học cơ sở	15
Tiểu kết	1818
Chương 3: THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH PHONG CẢNH VÙNG CAO GIAI ĐOẠN 2000 - 2015 VÀO DẠY HỌC VẼ TRANH TẠI TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG... 19	
3.1. Mục tiêu thực nghiệm	1919
3.2. Nội dung thực nghiệm	1919
3.3. Đối tượng thực nghiệm	1919
3.4. Tổ chức thực nghiệm	19
3.4.1. Quy trình	19
3.4.2. Quá trình tiến hành	19
3.5. Tổng kết và đánh giá thực nghiệm	2222
3.5.1. Tổng kết thực nghiệm	2222
3.5.2. Đánh giá thực nghiệm	2323
3.5.3. Nguyên nhân và hạn chế	23
Tiểu kết	2323
KẾT LUẬN	
	2324

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tranh phong cảnh vùng cao ở Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015 được các họa sĩ thể hiện với nhiều nội dung, hình thức, chất liệu khác nhau góp phần tạo nên sự đặc biệt cho tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn này.

Phân môn vẽ tranh giúp HS quan sát tinh tế, tư duy hình ảnh có lô gic, phát huy trí tưởng tượng phong phú. Thực trạng dạy học mỹ thuật ở trường THCS Lý Tự Trọng, HS vẽ tranh rõ nội dung chủ đề nhưng chưa quan tâm đến gam màu, ảnh hưởng của tương quan đậm nhạt, màu sắc đến không gian của tranh. Tạo hình của HS ít có sự liên kết giữa các mảng hình lớn nhỏ. Sự khác biệt về cảnh vùng cao với cảnh thành thị nhằm tạo hứng thú với HS. Vận dụng tạo hình tranh phong cảnh vùng cao vào dạy phân môn vẽ tranh trong trường THCS Lý Tự Trọng nhằm hạn chế những tồn tại trong bài vẽ của HS.

Có nhiều tài liệu viết về phong cảnh vùng cao và tài liệu về dạy vẽ tranh trong trường THCS. Tuy nhiên chưa có ai vận dụng tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 vào dạy vẽ tranh ở trường THCS. Đây là lí do tôi chọn đề tài “***Vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 vào dạy học vẽ tranh ở trường THCS Lý Tự Trọng, thành phố Ninh Bình***”.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Những nghiên cứu về hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015

Vựng tập *TLMTTQ 2001 – 2005* của Bộ Văn hóa Thông tin; Vựng tập *TLMTTQ 2006 - 2010* của Bộ Văn hóa Thông tin; Vựng tập *TLMTTQ 2015* (2015) của Bộ Văn hóa Thông tin. Các cuốn vựng tập trên có nhiều tư liệu hình ảnh tranh về các đề tài, chất liệu, thông tin về tác giả - tác phẩm.

Vựng tập *Mỹ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam* (2002) của Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, là tập tranh vẽ về đề tài các dân tộc thiểu số với các chủ đề khác nhau, tập tranh cung cấp thông tin về tác giả và tư liệu hình ảnh về dân tộc miền núi.

Sách *70 năm mỹ thuật Việt Nam 1945 – 2015* (2017) của Hội Mỹ thuật Việt Nam. Cuốn sách đưa ra nhận xét về quá trình lịch sử mỹ thuật từ năm 1945 qua các giai đoạn đến năm 2015.

Cuốn *Nghệ thuật tạo hình Việt Nam được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật* của Nxb Mỹ thuật – Hội Mỹ thuật Việt Nam, sách thống kê các tác phẩm tiêu biểu của các họa sĩ đã đạt giải thưởng danh giá.

Mỹ thuật Tây Bắc – Việt Bắc (2013) của Hội Mỹ thuật Việt Nam, viết về quá trình phát triển mỹ thuật của Tây Bắc – Việt Bắc, hoạt động mỹ thuật trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Cuốn *Họa sĩ trẻ Việt Nam* của Phan Cẩm Thượng và Lương Xuân Đoàn đề cập đến tiểu sử, đời sống, những quan niệm tư duy, phong cách nghệ thuật của các họa sĩ trẻ.

Cuốn *Với mỹ thuật* tác giả Trần Thức viết về tiểu sử của một số họa sĩ; về tư tưởng sáng tác nghệ thuật, sự tác động của thời đại hội nhập – phát triển đến họa sĩ với tác phẩm.

2.2. Những nghiên cứu về tranh phong cảnh và phong cảnh vùng cao trong hội họa Việt Nam

Luận văn *Cảnh sắc vùng cao trong hội họa Việt Nam* của Lê Bất Thăng, nghiên cứu về địa thế vùng cao Tây Bắc, Việt Bắc, phân tích về nội dung hình ảnh và cảm nhận màu sắc trong tác phẩm vùng cao giai đoạn 1945 – 2000.

Luận văn *Sự hướng nội và hướng ngoại trong tranh phong cảnh* của Vũ Thị Hoa, nghiên cứu về nhiều tranh phong cảnh, phạm vi rộng cả tranh trong nước và ngoài nước.

Luận văn *Giá trị về màu sắc trong tranh của các họa sĩ vẽ về miền núi* của Hoàng Minh Cửa, nghiên cứu về thực tế phong cảnh thiên nhiên, phong tục tập quán của người thiểu số. Luận văn phân tích về dòng tranh thờ miền núi.

Luận văn *Một vài cảm nghĩ về đề tài miền núi* của Lưu Thị Diễm, phân tích nội dung hình ảnh, sắc màu trong tranh qua đó nêu cảm nhận và so sánh giữa họa sĩ miền xuôi và họa sĩ miền núi về đề tài tranh miền núi.

2.3. Những nghiên cứu về lý luận và phương pháp dạy học mỹ thuật

Cuốn *Lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở* của Nguyễn Thu Tuấn, tài liệu đưa ra những phương pháp dạy học các phân môn vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, thường thức mỹ thuật trong mỹ thuật THCS.

Cuốn *Dạy học mỹ thuật ở trường Trung học cơ sở dựa vào phương tiện đa chức năng nhằm phát huy sáng tạo của trẻ em* của Nguyễn Thu Tuấn, nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn sử dụng phương tiện dạy học đa chức năng cho giáo viên trong dạy học mỹ thuật ở trường THCS.

Quyển *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn mỹ thuật* của Đàm Luyện (chủ biên), nhóm tác giả nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy học mỹ thuật ở THCS.

Cuốn *Giáo trình phương pháp dạy học mỹ thuật* của Nguyễn Quốc Toàn (chủ biên), nhóm tác giả nghiên cứu về những vấn đề chung về dạy học mỹ thuật ở THCS, các phương pháp dạy – học mỹ thuật.

Luận văn *Dạy học phân môn vẽ tranh ở trường THCS Hương Sơn Mỹ Đức – Hà Nội* của Hồ Hồng Đức, luận văn phân tích những nguyên nhân hạn chế và giải pháp để nâng cao chất lượng dạy – học phân môn vẽ tranh tại trường THCS Hương Sơn.

Ngoài ra, còn một số tài liệu viết về đề tài tranh phong cảnh vùng cao và phương pháp dạy học phân môn vẽ tranh ở trường THCS. Tuy nhiên, chưa có tác giả nào nghiên cứu về ứng dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao vận dụng vào dạy học môn vẽ tranh tại trường THCS Lý Tự Trọng, thành phố Ninh Bình. Vì vậy, hướng nghiên cứu của đề tài hiện tại không trùng lặp với bất kì một đề tài nghiên cứu nào khác.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn tập trung giới thiệu và phân tích về nghệ thuật tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015 từ đó vận dụng vào dạy học phân môn vẽ tranh ở trường THCS Lý Tự Trọng, thành phố Ninh Bình.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn về vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao vào dạy học phân môn vẽ tranh ở trường THCS để nghiên cứu đề tài.

- Giới thiệu, phân tích đặc điểm tạo hình tranh phong cảnh vùng cao Việt Nam trong những tác phẩm thuộc phạm vi nghiên cứu.

- Hướng dẫn HS vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao vào một số bài học trong phân môn vẽ tranh ở trường THCS.

- Thực nghiệm dạy học tại Trường THCS Lý Tự Trọng, thành phố Ninh Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu về nghệ thuật tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao Việt Nam để vận dụng vào dạy học phân môn vẽ tranh tại Trường THCS Lý Tự Trọng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Những sáng tác hội họa về phong cảnh vùng cao Việt Nam giai đoạn 2000 - 2015. Tập trung phân tích về tạo hình trong tranh vẽ phong cảnh vùng cao phía Bắc.

- Khảo sát và thực nghiệm với học sinh các khối lớp của Trường THCS Lý Tự Trọng trong năm học: 2019 - 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập tài liệu; Phương pháp phân tích, so sánh. Phương pháp thực nghiệm.

6. Đóng góp khoa học của luận văn

Bước đầu thống kê, phân loại một số tác phẩm hội họa Việt Nam về đề tài phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 - 2015. Khẳng định giá trị về tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao. Đóng góp thêm nguồn tài liệu có hệ thống, chuyên sâu cho giáo viên và học sinh trong các bài học có liên quan.

Rút ra những bài học kinh nghiệm cho học sinh vẽ tranh đề tài, góp phần nhỏ vào nghiên cứu nghệ thuật về giá trị thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật của nội dung và hình thức biểu hiện trong một số tác phẩm mỹ thuật Việt Nam về đề tài phong cảnh vùng cao.

7. Bố cục của luận văn

Kết cấu của luận văn gồm: Mở đầu (gồm 11 trang), 3 chương (85 trang), kết luận (2 trang), tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH PHONG CẢNH VÙNG CAO GIAI ĐOẠN 2000 - 2015 VÀO DẠY HỌC MÔN VẼ TRANH

1.1. Một số khái niệm sử dụng trong đề tài

- Theo Đại từ điển Tiếng Việt “*Vận dụng* là dùng tri thức, lí luận vào thực tiễn, vận dụng tri thức khoa học vào đời sống” [43, tr.1802]. Có thể hiểu vận dụng là sử dụng những hiểu biết và lý thuyết khoa học để ứng dụng vào hoạt động cụ thể trong thực tế.

- Từ điển Tiếng Việt khái niệm “*Tạo hình* là tạo ra các hình thể bằng đường nét, màu sắc, hình khối” [42, tr.860]. Từ khái niệm trên có thể hiểu tạo hình là dùng các đường nét, màu sắc, hình khối tạo nên hình thể, hình thể có thể ở dạng mặt phẳng hoặc dạng khối.

- Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Nxb Văn Hóa – Thông Tin [29], khái niệm “*Phong cảnh* là cảnh tự nhiên do núi sông, cây cỏ, nhà cửa hòa hợp”.

Từ điển Tiếng Việt của Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học [42] khái niệm “*Phong cảnh* là cảnh thiên nhiên bày ra trước mắt, như sông, núi, làng mạc, phố xá...”

- Theo *Từ điển mỹ thuật phổ thông* [21] khái niệm: “*Tranh phong cảnh* là tranh vẽ cảnh thiên nhiên, gồm đất trời, cây cối, sông núi, nhà cửa, ruộng đồng, ao hồ, đường sá, có thể điểm thêm người hoặc đồ đạc, loài vật. Tranh phong cảnh khi thì được vẽ trực tiếp trước thiên nhiên, lúc lại được vẽ ở nhà theo kí họa, ảnh chụp hoặc theo trí nhớ”.

Từ những khái niệm trên có thể hiểu *Tranh phong cảnh* là một thể loại khai thác vẻ đẹp của thiên nhiên qua góc nhìn và tài năng sáng tạo của người sáng tác.

- *Từ điển Tiếng Việt* của Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học [42], khái niệm: “*Vùng cao* là vùng rừng núi, về mặt là khu dân cư, phân biệt với vùng đồng bằng”. Như vậy *Vùng cao* được xác định là vùng có mặt bằng cao hơn mặt nước biển trên dưới 600m trở lên, ở đó thường có rừng, đồi núi, cư dân sinh sống chủ yếu là người dân tộc thiểu số.

- *Khái niệm “Dạy học”*: Quan điểm trước đây, dạy học là việc người thầy chủ động truyền đạt kiến thức đến học sinh, học sinh là người

thụ động lĩnh hội tri thức từ sự truyền đạt của thầy. Hiện nay, việc dạy học lấy học sinh là trung tâm, người dạy có thể truyền đạt thông tin, kiến thức tới người học hoặc gợi mở dẫn dắt để học sinh phát hiện kiến thức mới. Quá trình dạy - học của thầy và trò có sự tương tác lẫn nhau.

Theo *Giáo trình lý luận dạy học* của nhà xuất bản Hà Nội, khái niệm “Dạy học là con đường, phương tiện cơ bản để thực hiện quá trình trí dục, là dạng đặc biệt của quá trình hoạt động nhận thức. Trong quá trình dạy học học sinh dưới sự chỉ đạo của giáo viên, đạt tới mục đích của trí dục” [34; tr.22]. Có thể hiểu *Dạy học* là quá trình người thầy hướng dẫn, định hướng cho học sinh phát hiện, lĩnh hội tri thức mới.

Từ những khái niệm được trích dẫn nêu trên có thể xác định: *vận dụng tạo hình tranh phong cảnh vùng cao vào dạy học* là lấy tác phẩm phong cảnh vùng cao làm đối tượng nghiên cứu về bố cục, hình khối, đường nét, màu sắc, người giáo viên hướng dẫn học sinh từ những hiểu biết ở nghiên cứu đó vận dụng vào vẽ tranh theo chủ đề bài học.

1.2. Khái quát chung về hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 -2015

Hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015 bên cạnh lối diễn tả theo khuynh hướng hiện thực, có các hình thức khác như: Lập thể, Trừu tượng, Siêu thực, Cục thực, Tối giản..., tranh kết hợp các yếu tố phong cách mới phát triển mạnh. Sự đổi mới không chỉ về phong cách mà mở rộng chủ đề, đề tài, thêm các thể loại, chất liệu; đổi mới về ngôn ngữ nghệ thuật. Trước đó, các chủ đề mang tính hạn chế của xã hội, nỗi buồn, sự phẫn uất, sự cô đơn tuyệt vọng ... bị cấm thì giai đoạn này các họa sĩ được tự do thể hiện tâm tư tình cảm của con người. Nhiều thể loại xuất hiện như: Chân dung, Khỏa thân, Trừu tượng, Thư pháp; một số chất liệu kỹ thuật như acrylic, giấy Xuyên chỉ - Mực nho, giấy Dó. Đây cũng là tiền đề cho giai đoạn 2000 - 2015 phát triển mở rộng cả về chủ đề, chất liệu và kỹ thuật xuất phát từ quan niệm về nghệ thuật và sáng tạo nghệ thuật.

Mỹ thuật giai đoạn 2000-2015 đã phản ánh được thái độ của người nghệ sĩ trước vấn đề xã hội. Đó có thể là sự đồng tình, phê phán hoặc là thông qua cách biểu hiện nghệ thuật của người nghệ sĩ sự gợi mở vấn đề để người xem cùng suy ngẫm. Nghệ thuật tạo hình giai đoạn này

đã đến gần hơn với công chúng khi cả nội dung và hình thức đều có mục đích hướng đến cộng đồng.

Giai đoạn 2000 – 2015 hội họa chịu ảnh hưởng và tồn tại đa dạng các phong cách, bút pháp nghệ thuật: phong cách hiện thực, siêu thực, trừu tượng, biểu hiện ... Ngoài ra, sự đan xen nhiều phong cách trong hội họa cũng là một đặc điểm của mỹ thuật giai đoạn này. Những vấn đề liên quan đến đời sống xã hội đương đại, do sự ảnh hưởng văn hóa toàn cầu có thể coi đây là trào lưu mà các nghệ sỹ học hỏi lẫn nhau. Tuy nhiên, mảng đề tài phong cảnh vùng cao cũng vẫn được quan tâm, nhiều họa sỹ vẽ được số lượng lớn về tranh đề tài này như họa sỹ: Đặng Tin Tường, Trần Lưu Hậu, Tô Ngọc Thành... Có nhiều tranh đề tài phong cảnh vùng cao đạt giải ở các triển lãm lớn chứng tỏ đề tài này vẫn được nhiều họa sỹ tâm huyết.

1.3. Khái quát chung về trường trung học cơ sở Lý Tự Trọng

Trường THCS Lý Tự Trọng có diện tích: 18000 m², ở địa chỉ: Đường Tây Thành - Phường Phúc Thành - TP Ninh Bình.

1.3.1. Quá trình hình thành và phát triển

Trường được thành lập năm 1975 đến nay đã có hành trình 45 năm. Trường đã chuyển qua nhiều địa điểm, gộp cùng hệ trường cấp tiểu học, đến năm 2005 trường THCS di chuyển đến đường Tây Thành – phường Phúc Thành – TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (là địa chỉ hiện tại).

Năm học 2006 – 2007 trường được xây mới hoàn toàn và chuyển đến khu trường khang trang, từ đó đến nay, quy mô trường lớp ngày càng phát triển, cơ sở vật chất trang thiết bị trong nhà trường tiếp tục được đầu tư dần đáp ứng mục tiêu xây dựng nhà trường thành trường trọng điểm và chuẩn quốc gia. Nhà trường đã được Nhà nước trao tặng trọn bộ Huân chương lao động, thầy, trò nhà trường đã được đón nhận rất nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý.

1.3.2. Đội ngũ giáo viên

Trường THCS Lý Tự Trọng đạt thành tích 5 năm danh hiệu trường tiên tiến xuất sắc (trường điểm). Hiện nay ban lãnh đạo nhà trường gồm Hiệu trưởng và hai Hiệu phó, các thầy cô trong ban lãnh đạo nhà trường đều là những nhà giáo có kinh nghiệm, có năng lực quản lý và

dạy học, tâm huyết với nghề. Đội ngũ giáo viên đầy đủ, số lượng giáo viên 58 (52 nữ), 5 nhân viên (4 nữ) đủ các giáo viên dạy môn chuyên. Trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trên đại học 03, đại học 58, cao đẳng 02, trung cấp 03. Giáo viên mỹ thuật đạt trình độ cử nhân, nhiệt tình tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm, tranh sáng tác của cô thể hiện rõ chất hội họa.

1.3.3. Đặc điểm học sinh trường THCS Lý Tự Trọng

Trường THCS Lý Tự Trọng có tổng số gần 1400 học sinh. Học sinh trường có tác phong nhanh nhẹn, có truyền thống hiếu học dễ dàng lĩnh hội tri thức mới. Ở lứa tuổi này những học sinh có năng khiếu mỹ thuật bộc lộ rõ hơn. Tranh vẽ thể hiện sự yêu thích và khả năng vẽ, tạo hình có chủ quan. Học sinh ngoan ngoãn đạt nhiều thành tích học tập trong các bộ môn thi học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh.

1.4. Thực trạng dạy học vẽ tranh tại trường trung học cơ sở Lý Tự Trọng

Ở độ tuổi học sinh THCS có cách tư duy tạo hình logic hơn lứa tuổi tiểu học, học sinh biết quan tâm đến tương quan hình ảnh lớn nhỏ giữa các hình, quan tâm đến tương quan và vị trí hình ảnh theo quy luật xa gần. Học sinh quan tâm đến chủ đề, nội dung và hướng tìm hình ảnh cho bài học nên các bài vẽ đều phù hợp với chủ đề, song vẫn còn ít học sinh quan tâm đến bố cục bài vì vậy hình vẽ sắp xếp một cách tự do ngẫu nhiên dẫn đến các hình ảnh rời rạc ít có sự liên kết chặt chẽ.

Cách vẽ tranh của học sinh chú ý đến việc sao cho giống với tự nhiên nên nhiều học sinh tẩy sửa hình vẽ nhiều lần làm giảm đi vẻ đẹp của nét. Học sinh được học về các gam màu nóng lạnh, nhưng yêu cầu trong các bài vẽ tranh thường cho học sinh vẽ màu theo ý thích nên màu trong các tranh vẽ của học sinh chưa hướng theo một gam màu nhất định mà đa số kết hợp nóng và lạnh hoặc vẽ màu theo cảnh thiên nhiên. Có nhiều chất liệu màu trong vẽ tranh nhưng chủ yếu học sinh dùng sáp màu, chì màu, màu dạ và một số bài dán tranh từ giấy màu cắt, xé dán.

Đa số học sinh thấy mỹ thuật là môn học nhẹ nhàng, thoải mái, kiến thức mỹ thuật dễ tiếp thu và ứng dụng. Song trên thực tế, có những học sinh yêu thích môn học, có năng khiếu mỹ thuật nhưng việc định hướng sau này cho học sinh theo môn học còn chưa kịp thời, dẫn đến việc tác động từ tư tưởng của cha mẹ học sinh học sinh coi trọng các môn

văn hóa hơn mà không cho học sinh định hướng nghề nghiệp theo môn học mình yêu thích cho dù có năng khiếu.

1.5. Nhận thức của giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về tầm quan trọng của môn Mỹ thuật

Trường THCS Lý Tự Trọng là trường điểm, đạt nhiều thành tích về chất lượng dạy và học. Các thầy cô trong trường không coi nhẹ các môn học nghệ thuật, luôn tạo điều kiện cho học sinh có điều kiện học tập tốt nhất. Ban giám hiệu nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, báo cáo kết quả trải nghiệm có hoạt động, vẽ tranh.

Học sinh được các thầy cô tạo điều kiện để phát huy khả năng sáng tạo thuộc lĩnh vực sở trường cá nhân cũng là cảm hứng, động lực cho học sinh học những môn học khác nên phần lớn học sinh hào hứng và tích cực tham gia. Tuy nhiên, cũng không ít cha mẹ học sinh và học sinh có tư tưởng muốn dành nhiều thời gian cho các môn học văn hóa với quan niệm tránh làm sao nhãng, lãng phí thời gian cho những môn học nghệ thuật mà chưa nhận ra hết giá trị của phân môn vẽ tranh giúp học sinh tổng hợp tư duy, phát huy trí nhớ, liên kết và chọn lọc hình ảnh tiêu biểu,... tư duy vẽ tranh sau quan sát không khác nhiều so với tư duy để viết bài văn miêu tả, học sinh cần có sự quan sát cả về tổng thể và chi tiết, hình ảnh tiêu biểu hoặc ấn tượng thường đọng lại và được nhớ đến trước.

Nhiều cha mẹ học sinh mong muốn con em mình tập trung học và theo những chuyên ngành thuộc bộ môn văn hóa, nhưng chưa có một khẳng định nào về việc sau này khi trưởng thành những học sinh lựa chọn bộ môn văn hóa có đóng góp cho xã hội nhiều hơn những học sinh chọn bộ môn năng khiếu hay môn tự chọn, chưa kể đến việc học sinh có hài lòng hay hạnh phúc với công việc mình đi theo định hướng của các bậc cha mẹ học sinh lựa chọn không, nhưng chắc chắn khi được làm công việc mình yêu thích, đam mê sẽ dễ thành công hơn. Chuyên ngành mỹ thuật có thể định hướng cho người học trở thành giáo viên mỹ thuật, họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thiết kế, kiến trúc sư... thì đây sẽ là những nhân tố đóng góp tích cực cho xã hội. Vì vậy, tư tưởng của một số cha mẹ học sinh định hướng cho học sinh coi trọng các môn học khác nhau cũng là vấn đề cần thay đổi.

Tiểu kết

Nội dung chương 1 xác định một số khái niệm có liên quan đến đề tài về tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao vào dạy học. Từ những khái niệm được trích dẫn liên quan đến đề tài vận dụng tạo hình trong tranh phong cảnh, vùng cao dạy học ở trường THCS khẳng định đặc trưng tiêu biểu của tranh phong cảnh vùng cao là thể loại vẽ về cảnh thiên nhiên, làng bản có thể điểm người hoặc vật thể hiện trên mặt phẳng không gian hai chiều bằng ngôn hội họa. Khái niệm dạy – học được phân tích theo nhiều quan niệm, ở các thời điểm khác nhau thì quan niệm khác nhau. Hiện tại quan niệm dạy học lấy học sinh là trung tâm đang được thực hiện.

Khái quát chung về bối cảnh xã hội cũng như các sáng tác về đề tài, về phong trào hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015. Đây là giai đoạn hội họa có nhiều thay đổi về hình thức thể hiện nội dung đề tài phong phú hơn song đề tài phong cảnh vùng cao vẫn được quan tâm, nhiều tranh đề tài phong cảnh vùng cao được giải thưởng trong các triển lãm quy mô lớn. Các hoạt động mỹ thuật được mở rộng, số lượng đội ngũ nghệ sĩ tăng, các tổ chức triển lãm mỹ thuật lớn nhỏ ngày càng nhiều, triển lãm toàn quốc, triển lãm khu vực, triển lãm nhóm, cá nhân, giao lưu mỹ thuật trong và ngoài nước mở rộng. Nội dung đề tài có cái nhìn trực diện vào cuộc sống, tác phẩm không chỉ dừng ở ngợi ca cái hay cái đẹp, mà thông điệp ý tưởng truyền tải tới người xem rõ ràng hơn.

Khái quát chung về cơ sở vật chất trường THCS Lý Tự Trọng, thành tích đạt được của thầy và trò trong hoạt động dạy – học. Đôi nét về giáo viên mỹ thuật và đặc điểm học sinh trong trường. Thực trạng dạy học vẽ tranh tại trường THCS Lý Tự Trọng. Nhận thức của giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về phân môn vẽ tranh trong môn học mỹ thuật.

Chương 2

TẠO HÌNH TRONG TRANH PHONG CẢNH VÙNG CAO GIAI ĐOẠN 2000 – 2015 VÀ BIỆN PHÁP VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC PHÂN MÔN VẼ TRANH TẠI TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

Trong giai đoạn 2000 – 2015, bối cảnh văn hóa Việt Nam có nhiều biến chuyển, đồng thời chi phối quan điểm sáng tác nghệ thuật và tạo hình thay đổi. Chương 2 tập trung phân tích về nội dung, hình thức nghệ thuật tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao và nguyên tắc, biện pháp vận dụng tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 vào dạy học phân môn vẽ tranh.

2.1. Tạo hình phong cảnh vùng cao trong hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015

2.1.1. Phong cảnh vùng cao biểu hiện qua nội dung tác phẩm Tranh phong cảnh thiên nhiên vùng cao

Trong đề tài phong cảnh vùng cao, chủ đề thiên nhiên thuần túy được các họa sỹ thể hiện hình ảnh và mỗi góc nhìn đều rất đặc trưng vùng cao. Chỉ có ở vùng cao mới có thể vẽ được cảnh núi non, đất trời với không gian rộng bao la, ruộng bậc thang quanh co trải khắp núi đồi, lác đác mái nhà nhỏ bên những dãy núi trùng điệp. Mỗi tác giả có cách khai thác hình ảnh, nội dung, chủ đề, khác nhau: Tranh nội dung chủ yếu về bầu trời, tranh vẽ chủ yếu về cảnh núi, tranh vẽ chủ yếu về ruộng bậc thang như, tranh vẽ kết hợp nhiều hình ảnh (núi, bầu trời, ruộng bậc thang): *Phong cảnh Mai Châu, Mùa vàng biên cương...*

Tranh phong cảnh làng bản vùng cao

Làng bản là nơi sinh sống của cư dân vùng dân tộc thiểu số, tranh phong cảnh vẽ về làng bản cũng như chủ đề thiên nhiên được các họa sỹ khai thác từ nhiều góc độ, phong cảnh làng bản vừa thể hiện được thiên nhiên vừa thể hiện được kiến trúc làng bản. Mỗi họa sỹ có cách đưa hình ảnh phong cảnh làng bản vào tranh vẽ theo cách riêng của mình tất cả đều toát lên đặc điểm tiêu biểu của vùng cao.

Tranh phong cảnh điểm sinh hoạt vùng cao.

Tranh phong cảnh vùng cao điểm xuyên sinh hoạt có số lượng tác phẩm chiếm tỉ lệ nhiều hơn tranh phong cảnh thiên nhiên và phong

cảnh làng bản vùng cao. Trong tranh điểm sinh hoạt, hình ảnh nhân vật nhỏ so với không gian phong cảnh nhưng ta vẫn có thể dễ dàng nhận ra các hoạt động của con người tăng gia sản xuất, chuẩn bị lên nương...

2.1.2. Ngôn ngữ nghệ thuật trong tranh phong cảnh vùng cao

2.1.2.1. Ngôn ngữ tạo hình: bố cục, hình khối, màu sắc, đường nét, không gian trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015

Bố cục trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015

Vẻ đẹp của bố cục trong tác phẩm hội họa được xây dựng bởi cách sắp xếp các đường nét, hình mảng, màu sắc, đậm nhạt có nhịp điệu tạo nên không gian gây ấn tượng cho người thưởng thức. Tùy theo nội dung, chủ đề tác giả sắp xếp các yếu tố tạo hình cho phù hợp bố cục của tác phẩm. Tranh phong cảnh vùng cao có bố cục hình chữ nhật, bố cục hình tam giác, bố cục hình thang...

Hình khối trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015

Hình khối trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 được người họa sĩ thể hiện theo cách nhìn, cách vẽ riêng của từng người, hình có thể biểu hiện ở tính hiện thực, hình thể cô đọng khái quát mang tính tượng trưng, hình thể cách điệu. Mỗi họa sĩ có cách cảm nhận về hình thể khác nhau, cách vẽ hình được thống nhất phong cách cùng các yếu tố tạo hình khác trong cùng một tác phẩm. Hình khối, hình thể có thể vẽ theo nhiều cách như hiện thực, tạo hình, cách điệu.

Màu sắc trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015

Màu sắc trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 đã thể hiện sự phong phú, đa dạng ở nhiều gam màu, nhiều cách thể hiện màu khác nhau. Tranh vẽ về làng bản phần lớn thuộc gam màu ấm, nóng, tranh vẽ phong cảnh thiên nhiên về núi đồi, cây cối thường có gam màu lạnh. Ngoài ra có các gam màu khác: gam màu nóng và lạnh kết hợp, gam màu lạnh điểm nóng, màu bổ túc, màu tương phản, gam màu tươi sáng nhã nhặn, gam màu tươi sáng rực rỡ, gam màu ghi, gam màu trầm.



Đường nét trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015.

Tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 có đường nét phong phú, biểu đạt từng loại nét mang đặc điểm của chất liệu và phong

cách của họa sĩ: đường nét thanh mảnh, nhẹ nhàng, tinh tế, đường nét chắc khỏe, phóng khoáng. Sự sắp xếp chiều hướng của nét góp phần tạo nên ý nghĩa của tranh.

Không gian trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015

Tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 có nhiều không gian khác nhau: không gian rộng lớn, mênh mông, không gian cận cảnh, không gian nhìn ngang tầm mắt, không gian nhìn từ trên cao xuống.

2.1.3. Kỹ thuật và chất liệu của tranh vẽ

Tranh sơn dầu: vẽ sơn dầu thường được các họa sỹ xử lý màu lót trên bề mặt toan. Sơn là chất liệu có độ dẻo không khô ngay nên việc vẽ lớp màu sau so với lớp màu trước có thể để bề mặt lớp màu trước khô hẳn hoặc bề mặt se lại tùy theo dụng ý của tác giả, có thể pha màu rồi vẽ lên toan hoặc vừa pha trộn màu trên toan vừa vẽ. Nhiều lớp màu sơn chồng lên nhau sẽ tạo nên hòa sắc và hiệu ứng đặc thù của chất liệu sơn dầu. Cùng một màu sơn nhưng xử lý bề mặt sơn dày hoặc mỏng cũng tạo nên hiệu ứng màu sắc khác nhau.

Tranh lụa: màu nước trên chất liệu lụa vẽ phân đậm trước nhạt sau, độ đậm được vẽ tăng dần nhiều lớp màu, màu vẽ lụa có đặc điểm được rửa nhiều lần, vẽ nhiều lần nên màu lụa trong. Các mảng màu có thể ở dạng mảng phẳng hoặc được chuyển độ đậm nhạt tinh tế, lụa có đặc trưng loang màu, các màu tự hòa tan chuyển sắc độ trong một mảng, sắc độ màu thường êm dịu. Đặc điểm của màu nước trên lụa rất phù hợp để họa sỹ thể hiện không gian mờ sương khói nơi vùng cao.

Tranh sơn mài: Giai đoạn đầu các họa sỹ vẽ tranh sơn mài hầu như chỉ có các màu gam nóng, nhiều tranh dùng bảng màu đỏ, đen, vàng, trắng, là màu của sơn, then, vàng, bạc hoặc vỏ trứng, làm chủ yếu. Trong quá trình vẽ tranh các họa sỹ tìm tòi sáng tạo, sau đó sơn mài được bổ xung thêm các màu để bảng màu sơn mài hoàn chỉnh hơn. Sắc màu vàng, xanh, diệp lục trong chất liệu sơn mài là những sắc màu được họa sỹ Nguyễn Sáng khám phá muộn hơn so với các màu của vàng, bạc, sơn, then trong bảng màu sơn mài. Họa sỹ Nguyễn Sáng vẽ bức tranh *Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ* năm 1963 đã sử dụng thành công sáng tạo màu lục, lam của ông, đánh dấu mốc quan trọng trong lịch sử tranh sơn mài Việt Nam có thêm màu lạnh, đây cũng là nền tảng cho màu sắc trong

tranh sơn mài hiện đại nói chung, màu sắc trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 nói riêng đa dạng, phong phú hơn.

2.2. Ứng dụng tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 - 2015 vào dạy học phân môn vẽ tranh tại trường THCS

2.2.1. Các nguyên tắc dạy học môn mỹ thuật ở trường THCS

- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa lí luận và thực tiễn.
- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục.
- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính trực quan và tính khái quát.
- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa học tập cá nhân với tập thể:
- Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và chú ý tới những đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm cá biệt.
- Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của GV và vai trò chủ động của HS.

2.2.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học trong phân môn vẽ tranh tại trường THCS

2.2.2.1. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy - học

Trong một hoạt động dạy học có nhiều phương pháp dạy học khác nhau, giáo viên cần sử dụng các phương pháp sao cho phù hợp.

Phương pháp thuyết trình.	Phương pháp mảnh ghép.
Phương pháp vấn đáp.	Phương pháp đóng vai.
Phương pháp đàm thoại gợi mở.	Phương pháp chia sẻ.
Phương pháp thảo luận.	Kết hợp âm nhạc trong giờ học.
Phương pháp trực quan.	Phương pháp tổ chức trò chơi học tập.
Phương pháp quan sát.	Phương pháp thực hành ôn luyện.
Phương pháp minh họa.	Phương pháp đánh giá
Phương pháp kể chuyện.	kiểm tra đánh giá kiến thức, sản phẩm của học sinh.

Giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy – học cho phù hợp từng phần bài học.

2.2.2.2. Thay đổi hình thức dạy học

* Hình thức tổ chức dạy học trên lớp: tổ chức dạy học toàn lớp, tổ chức dạy học theo nhóm, tổ chức dạy học cho từng cá nhân học sinh.

* Hình thức tổ chức dạy học ngoài giờ lên lớp: học vẽ ngoài trời, tham quan, học ngoại khóa, học tại bảo tàng, phòng triển lãm tranh.

Việc thay đổi hình thức dạy – học tạo không gian học tập thay đổi ngoài việc gây hứng thú cho học sinh học sinh, học sinh còn được trải nghiệm thực tế, được quan sát cảm nhận trực tiếp. Có nhiều bài học kết hợp học ngoại khóa tham quan đền, chùa, đình làng.

2.2.3. Biện pháp trong hướng dẫn thực hành dạy học phân môn vẽ tranh tại trường THCS Lý Tự Trọng

Trong quá trình hướng dẫn thực hành có thể nảy sinh những tình huống về ý tưởng, về sản phẩm ngoài dự kiến ban đầu. GV có thể tùy theo thực trạng để chọn biện pháp hướng dẫn HS sáng tạo một cách phù nhất: *Biện pháp khắc phục bố cục và mảng hình; Biện pháp khắc phục về nét vẽ; Biện pháp khắc phục về gam màu; Phân loại nhóm màu vẽ theo gam.*

2.2.4. Vận dụng tranh phong cảnh vùng cao Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015 vào bài học phân môn vẽ tranh trong trường trung học cơ sở

Những thể loại trong phân môn vẽ tranh ở trường THCS: tranh phong cảnh, tranh bố cục, tranh chân dung, tranh tĩnh vật. Phân phối chương trình bài vẽ tranh môn mỹ thuật lớp 9. Học kì I: 19 tuần.

Tên bài dạy / chủ đề	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
Vẽ tĩnh vật màu	2	Trên lớp	Tích hợp thực tế cuộc sống
Đề tài phong cảnh quê hương	2	Trên lớp	Tích hợp thực tế cuộc sống
Kiểm tra 1 tiết – Đề tài Lễ hội	2	Trên lớp	Tích hợp môn Sử & thực tế cuộc sống
Đề tài tự chọn	1	Trên lớp	Tích hợp thực tế cuộc sống

Vận dụng tranh phong cảnh vùng cao Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015 vào bài học phân môn vẽ tranh trong trường trung học cơ sở

Bài đề tài phong cảnh quê hương (2 tiết)

* **Bước 1. Tìm nội dung và hình ảnh theo chủ đề.**

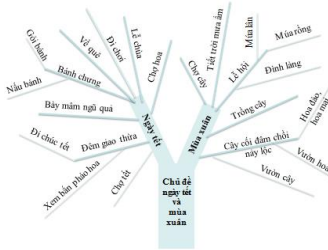
- Chủ đề tranh phong cảnh vùng cao có thể chia nhóm theo hình ảnh, nội dung tác phẩm:

- Vận dụng tìm nội dung và hình ảnh từ chủ đề:

Ví dụ: Vẽ tranh phong cảnh.

+ Tìm nội dung: vẽ phong cảnh ở đâu? (cảnh thành thị, nông thôn, biển...).

+ Tìm hình ảnh cụ thể từ nội dung phong cảnh: cảnh thành thị (khu phố, công viên ..); cảnh nông thôn (khu thôn xóm,...); cảnh biển...

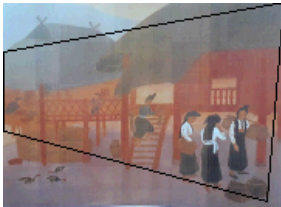


Sơ đồ nhánh cây.

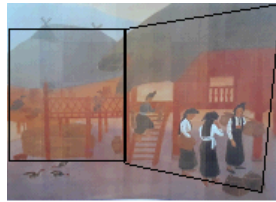
* Bước 2. Tìm bố cục, mảng chính phụ trong tranh:

Tranh vẽ thường có một số bố cục cơ bản: bố cục dạng hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác... có thể dựa vào nội dung, hình ảnh để lựa chọn bố cục cho phù hợp.

VD: Tác phẩm *Buổi sớm ở bản* [PL.1.26, tr.105] của họa sĩ Phạm Ngọc Sỹ.



Bố cục chung



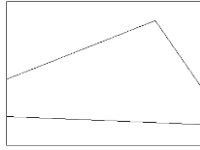
Phác mảng chính, mảng phụ

- Vận dụng tìm bố cục, hình mảng cho bài vẽ tranh: dựa vào nội dung hình ảnh dự định vẽ, xác định bố cục giấy dọc hoặc ngang.

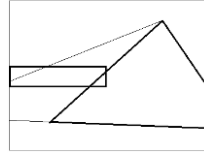
Ví dụ 1: Đề tài Vẽ tranh phong cảnh.

+ Tìm khung hình chung dạng hình tam giác.

+ Tìm mảng chính và mảng phụ trong bố cục chung, mảng chính hình tứ giác, mảng phụ hình chữ nhật.



Khung hình chung



Mảng chính, mảng phụ

* Bước 3. Phác hình theo mảng.

- VD: Tác phẩm *Buổi sớm ở bản* của họa sĩ Phạm Ngọc Sỹ.

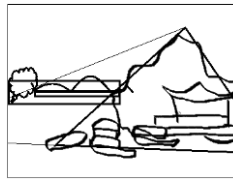
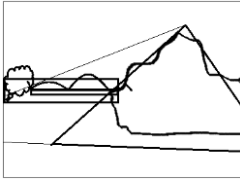
Phác hình nhà sàn, nhóm người trong mảng chính và mảng phụ. Hình ảnh nhà sàn và trang phục được tác giả lựa chọn theo đặc trưng của vùng miền.

- Vận dụng phác hình theo mảng cho bài vẽ tranh:

Ví dụ: Đề tài Vẽ tranh phong cảnh sông Vân núi Thúy.

+ Phác hình thuyền và núi trong mảng chính: lưu ý dáng núi Thúy có đặc điểm riêng theo góc nhìn.

+ Phác hình khóm cây và chiếc cầu trong mảng phụ...



Phác hình theo mảng

* Bước 4. Vẽ chi tiết hình và chỉnh sửa.

+ Trong quá trình vẽ chi tiết có thể thêm hoặc bớt hình.

+ Chỉnh sửa hình ảnh cho phù hợp.

+ Tẩy các nét thừa.

* Bước 5. Vẽ màu.

+ Chọn gam màu chủ đạo.

+ Điểm màu, nhấn màu, thêm một số màu theo ý thích.

Tiểu kết

Chương 2 luận văn nghiên cứu tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 và biện pháp ứng dụng vào dạy học phân môn vẽ tranh tại trường THCS Lý Tự Trọng:

Luận văn phân tích một số tranh theo nội dung chủ đề: tranh phong cảnh thiên nhiên vùng cao bao gồm tranh vẽ về cảnh đất trời, núi non, ruộng bậc thang...; tranh phong cảnh làng bản thể hiện phong cảnh và kiến trúc nhà ở theo vùng miền; tranh phong cảnh điểm sinh hoạt thể hiện phong cảnh là chính điểm hình ảnh người nhỏ bé so với không gian, phần nào phản ánh được phong tục tập quán của người dân bản. Vùng cao có nét đặc trưng riêng, tác giả luôn khai thác được những yếu tố đặc trưng nên nhìn vào tranh người xem nhận ra ngay phong cảnh vùng cao. Phong cảnh vùng cao biểu hiện qua hình thức nghệ thuật, ngôn ngữ tạo hình như bố cục, hình mảng, đường nét, màu sắc, không gian... đều phong phú. Luận văn phân tích và đi sâu vào cách thể hiện nội dung đề tài, thấy được nội dung chủ yếu truyền tải đến người xem về đẹp của phong cảnh vùng cao. Người nghệ sĩ muốn thể hiện được sự chân thực nhất, vì vậy tranh trong đề tài chủ yếu mang phong cách hiện thực. Mỗi chất liệu tạo nên hiệu quả tranh khác nhau, tùy theo từng chất liệu họa sĩ sử dụng kỹ thuật phù hợp với yếu tố tạo hình. Trong đề tài phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015, chất liệu sơn mài được các họa sĩ lựa chọn để thể hiện nhiều hơn các chất liệu khác.

Luận văn nêu những nguyên tắc và các phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với dạy học vẽ tranh trong trường THCS, đưa ra một số biện pháp gợi ý HS khắc phục hạn chế trong quá trình thực hành. Đưa các bước ứng dụng tranh phong cảnh vùng cao vào dạy học phân môn vẽ tranh trong trường THCS Lý Tự Trọng.

Chương 3
THỰC NGHIỆM VẬN DỤNG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH
TRONG TRANH PHONG CẢNH VÙNG CAO GIAI ĐOẠN 2000 - 2015
VÀO DẠY HỌC VẼ TRANH TẠI TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

Tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 đa dạng về nội dung chủ đề, phong phú về hình thức thể hiện. Thông qua tranh phong cảnh vùng cao nhằm giới thiệu tới HS sự khác biệt về môi trường sống, cách họa sĩ khai thác sự độc đáo về phong cảnh trong tranh tạo nên sự khác biệt đặc trưng từng vùng miền. Từ đó HS có thể vận dụng tìm ra đặc điểm tiêu biểu cho nội dung chủ đề bài vẽ của mình.

3.1. Mục tiêu thực nghiệm

Tạo hứng thú tích cực cho học sinh yêu thích môn học.

Cảm nhận được tạo hình trong vẽ tranh và cảm nhận tranh vẽ.

Ứng dụng tạo hình trong cuộc sống

3.2. Nội dung thực nghiệm

Học sinh nắm bắt được đặc điểm tạo hình của tranh vẽ phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015. Ứng dụng tạo hình cho bài vẽ tranh phong cảnh quê hương (Bài 5, kĩ thuật lớp 9). Kết hợp liên môn giữa văn học và lịch sử quê hương chia sẻ nội dung, ý nghĩa của sản phẩm mà học sinh có ý tưởng xây dựng nên. Thuyết trình câu chuyện dựa trên tạo hình sản phẩm.

3.3. Đối tượng thực nghiệm

Đối tượng: HS lớp 9, trường THCS Lý Tự Trọng

Chọn lớp thực nghiệm:

- Lớp thực nghiệm 9A có 51 học sinh.

- Lớp đối chứng 9C có 51 học sinh.

3.4. Tổ chức thực nghiệm

3.4.1. Quy trình

- Bước 1: Chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

- Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực nghiệm.

- Bước 3: Tiến hành thực nghiệm.

3.4.2. Quá trình tiến hành

* Chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng:

Kiểm tra khảo sát kết quả học tập của HS một số lớp để lập bảng thống kê, dựa trên số liệu bảng thống kê chọn 2 lớp có kết quả học tập tương đương. Đây là cơ sở để đánh giá kết quả thực nghiệm.

Bảng 1. Thống kê kết quả loại khảo sát trước khi kiểm chứng.

Đối tượng	Số lượng	Kết quả kiểm tra					
		Năng khiếu (tốt)		Đạt		Chưa đạt	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Lớp thực nghiệm 9A	51	8	15,7%	41	80,4%	2	3,9%
Lớp đối chứng 9C	51	9	17,6%	39	76,5%	3	5,9%

* *Kế hoạch thực nghiệm:*

Sau khi chọn 2 lớp đối chứng và thực nghiệm, thực hiện giảng dạy cùng một bài học. Lớp đối chứng dạy theo phương pháp truyền thống, lớp thực nghiệm đưa màu sắc tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 - 2015 vào dạy học vẽ tranh *Phong cảnh quê hương*.

* *Tiến hành thực nghiệm:*

Giới thiệu bài (Phương pháp vấn đáp):

GV có nhiều cách giới thiệu vào bài, có thể vấn đáp, quan sát qua hình minh họa, hoặc vào bài trực tiếp

Hoạt động 1. Quan sát, nhận xét:

* Quan sát tranh vẽ phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015, thảo luận nhóm (Phương pháp thảo luận và phương pháp mảnh ghép):

- GV chia lớp thành 5 nhóm. Mỗi nhóm nhận một nội dung và thảo luận câu hỏi của nhóm mình, giáo viên cho học sinh thực hiện theo phương pháp mảnh ghép (nhóm trưởng chia nhỏ nội dung câu hỏi cho từng người, mỗi người hoàn thành câu trả lời, mỗi câu trả lời là một mảnh ghép, sau đó một người đại diện cho nhóm tổng hợp câu trả lời thành một miếng ghép hoàn chỉnh để trả lời câu hỏi thảo luận của nhóm).

- Câu hỏi thảo luận:

+ Nhóm 1. Bố cục (Bố cục hình chữ nhật, tam giác, tròn...)

- + Nhóm 2. Hình thể (Hình thể hiện thực, cô đọng khái quát mang tính tượng trưng, hình thể cách điệu).
- + Nhóm 3. Đường nét (Đường nét chắc khỏe, tinh tế, ...)
- + Nhóm 4. Không gian (Không gian cận cảnh, xa, gần)
- + Nhóm 5. Màu sắc (Màu nóng, lạnh, trầm, ghi, ...)

→ GV tóm tắt nội dung.

* Quan sát ảnh chụp phong cảnh quê hương (Phương pháp quan sát, phương pháp kết hợp âm nhạc):

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số ảnh chụp phong cảnh quê hương kết hợp nhạc không lời giai điệu quê hương. GV cho HS nêu nội dung, hình ảnh, màu sắc, nêu sự kiện lịch sử gắn liền địa danh (nếu có).

- Quan sát tranh họa sĩ vẽ phong cảnh quê hương.

- GV cho HS đặt tên khác cho bức tranh, đây là cách gián tiếp yêu cầu HS tìm hiểu về tranh. Bước này HS hoạt động thảo luận nhóm, có thể chia nhóm theo vị trí ngồi cho tiện việc di chuyển nhóm.

+ GV chia nhóm (có thể nhóm từ 4 – 6 người).

+ Tên nhóm: Nhóm bố cục, nhóm hình ảnh, nhóm đường nét, nhóm màu sắc, nhóm không gian.

+ Nêu thời gian thảo luận.

+ GV gieo câu hỏi cho nhóm: Tranh vẽ về nội dung gì, nêu đặc điểm các yếu tố tạo hình trong tranh của nhóm mình? Từ đó nêu cảm nhận về tranh?

➤ *Hoạt động 2. Hướng dẫn thực hành (Phương pháp minh họa):*

- GV cho HS nhắc lại các bước vẽ nhằm củng cố các bước vẽ tranh.

+ Tìm và chọn nội dung đề tài (cảnh làng quê, cảnh sông nước, ...).

+ Phác bố cục chung (hình e líp), phác mảng chính phụ (hình chữ nhật).

+ Phác hình ảnh nhóm chính, nhóm phụ.

+ Vẽ chi tiết, sửa hình.

+ Vẽ màu (Xác định gam màu định vẽ, cách vẽ điểm màu, nhấn màu...).

- GV nêu cách làm tranh đất nặn.

+ Chọn nội dung, ý tưởng.

+ Vẽ hình chính trên tấm bìa cứng.

+ Dán màu nền, nền có thể một, hai hoặc ba màu khác nhau.

+ Nặn các mảng màu lớn phía dưới trước, các mảng màu nhỏ phía trên sau.

+ Trang trí thêm chi tiết bằng chấm, nét (có thể tạo nét bằng sợi lãn nhỏ, dài là nét nổi hoặc dùng các vật cứng vẽ nét chìm trên các mảng đã nặn).

- Gv nêu cách thực hành tạo hình 3D: Chọn nội dung ý tưởng theo chủ đề; Vẽ hình ảnh cây, tô màu (xé dán giấy màu); Dán hình vừa vẽ lên giấy bìa cứng, cắt bìa theo hình vẽ, tạo đế để hình có thể đứng thẳng (hình 3D); Tạo mô hình với cây, người, con vật... có thể thay đổi mô hình bằng các chất liệu phù hợp: cành cây khô, đá sỏi, chất liệu tổng hợp ...

- Gv nêu cách tạo dáng người bằng cách uốn dây thép, quấn dây xung quanh tạo khối cơ bản.

→ Dựa vào hình ảnh của nhóm mình xây dựng câu chuyện.

* Trước khi chuyển sang hoạt động thực hành, GV cho HS tham khảo tranh các bạn vẽ cùng chủ đề để rút kinh nghiệm. GV chọn những bài vẽ bao gồm nhiều ưu – khuyết điểm mà HS dễ mắc phải như về bố cục hình, đậm nhạt.

➤ *Hoạt động 3. Thực hành:*

- GV cho HS thực hành chọn chất liệu theo ý thích, có thể hoạt động cá nhân vẽ tranh chất liệu màu trên giấy, làm tranh đất nặn, hoạt động theo nhóm tạo hình 3D chất liệu tổng hợp.

3.5. Tổng kết và đánh giá thực nghiệm

3.5.1. Tổng kết thực nghiệm

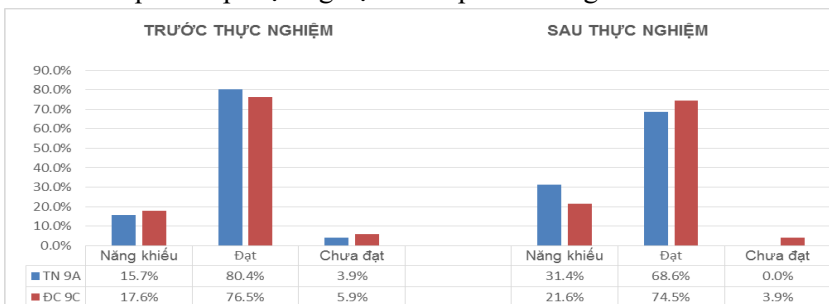
3.5.1.1. Kết quả thực nghiệm

* Kết quả khảo sát trước thực nghiệm:

Tiến hành khảo sát kết quả học và bài vẽ của học sinh ở 2 lớp 9A và 9C trước thực nghiệm.

* Kết quả sau thực nghiệm:

So sánh kết quả ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng



3.5.1.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

Thông kê kết quả thực nghiệm về bài vẽ và tinh thần thái độ của HS.

3.5.2. Đánh giá thực nghiệm

- Đánh giá về sự chuẩn bị bài của GV và HS: việc chuẩn bị cho bài dạy – học của GV và HS rất quan trọng, đòi hỏi cần có sự chuẩn bị về nội dung bài học, chất liệu cho tạo hình sản phẩm:
- Đánh giá về mức độ hứng thú của học sinh.
- Đánh giá về hiệu quả giờ dạy.
- Đánh giá về sản phẩm mỹ thuật.

3.5.3. Nguyên nhân và hạn chế

Chuẩn bị chất liệu cho bài học trước khi đến lớp cũng tạo sự hứng thú cho học sinh. Việc giáo viên tổ chức cho học sinh không chỉ dừng lại ở bài vẽ cá nhân mà kết hợp nhiều bài vẽ tạo thành bài vẽ nhóm cộng với sử dụng thêm các chất liệu khác phù hợp đã gợi mở sự sáng tạo mới đối với học sinh. Quá trình làm việc nhóm học sinh được trao đổi bổ xung kiến thức, kỹ năng học tập từ bạn bè giúp buổi học không đơn thuần chỉ là học kiến thức mới để tạo ra sản phẩm mỹ thuật mà học sinh được cùng nhau làm việc và chia sẻ nhiều hơn. Tuy nhiên trong nhóm có số ít HS chưa tích cực trong việc góp sức cho sản phẩm của nhóm.

Tiểu kết

Chương 3 của luận văn tập trung nghiên cứu thực nghiệm tạo hình tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015 vào dạy học vẽ tranh tại trường THCS Lý Tự Trọng gồm: mục tiêu thực nghiệm; đối tượng thực nghiệm; tổ chức thực nghiệm; tổng kết và đánh giá thực nghiệm.

Đối tượng thực nghiệm: Hai lớp 9 có sĩ số học sinh bằng nhau, mức độ kiến thức, kỹ năng học mỹ thuật tương đương nhau. Sau khi thực nghiệm: tổng kết và đánh giá, lập bảng so sánh kết quả học tập ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Thông kê kết quả thực nghiệm về bài vẽ của HS, đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của GV và HS. Đánh giá thực nghiệm: về sự chuẩn bị bài của GV và HS, đánh giá về mức độ hứng thú của HS, hiệu quả giờ dạy, sản phẩm mỹ thuật, kết quả đạt được. Phân tích nguyên nhân và hạn chế những mặt còn tồn tại.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 2000 – 2015 đất nước trong thời kì đổi mới, thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các công trình xây dựng làm thay đổi kiến trúc hạ tầng nhiều nơi, tập trung ở các thành phố lớn thì vùng cao vẫn giữ được vẻ đẹp thuần túy, hoang sơ của tự nhiên. Nơi đây được coi là “miền đất hứa” được tự nhiên ban tặng về cảnh đẹp thiên nhiên nên hầu hết các họa sĩ đều đã từng vẽ về đề tài vùng cao.

Phong cảnh vùng cao trong hội họa Việt Nam giai đoạn 2000 – 2015 không chỉ là nguồn cảm hứng chứa chan tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, mà còn phản ánh được văn hóa làng bản, những sinh hoạt đời thường của người dân sống nơi vùng cao. Các họa sĩ thành công với đề tài khi cho người xem cảm nhận được không gian của vùng cao qua cảnh vật đặc trưng.

Ứng dụng tranh phong cảnh vùng cao vào bài học phong cảnh quê hương, học sinh không chỉ được tìm hiểu thêm về phong cảnh vùng miền khác, được so sánh sự khác nhau giữa phong cảnh quê hương mình với vùng cao. Sự đa dạng về tạo hình trong tranh phong cảnh vùng cao giai đoạn 2000 – 2015, đã được học sinh ứng dụng hiệu quả vào bài học phong cảnh quê hương. Phương pháp ứng dụng tạo hình tranh phong cảnh vùng cao vào bài học đã mang lại kết quả sản phẩm mỹ thuật của học sinh phong phú hơn trong bài học vẽ phong cảnh quê hương nói riêng và trong phân môn vẽ tranh nói chung.